

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2025/HNGĐ - ST
Ngày 31 tháng 12 năm 2025
“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – PHÚ THỌ

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Văn Thông
2. Bà Lê Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2025/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị M, sinh năm 1982

Địa chỉ: Khu 3, xã V, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Lê Xuân T, sinh năm 1977

Địa chỉ: Địa chỉ: Thôn Nội, xã V, tỉnh Phú Thọ. Hiện đang chấp hành án tại Trại tạm giam số 02 – Công an tỉnh Phú Thọ (vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và các lời khai tiếp theo nguyên đơn - chị Bùi Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Lê Xuân T ngày 30/12/2024 tại UBND xã Tân Tiến, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc nay là xã Vĩnh Hưng, tỉnh

Phú Thọ trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, chị về làm dâu và ở chung cùng gia đình anh T. Tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau nên vợ chồng thường xuyên va chạm. Đến tháng 4/2025, anh T bị Công an bắt và bị Tòa án xử phạt 13 năm tù về tội Hiếp dâm, hiện đang chấp hành án tại Trai tạm giam số 02 Công an tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ, đất canh tác và công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - anh Lê Xuân T vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 26/11/2025, anh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị M kết hôn ngày 30/12/2024 tại UBND xã Vĩnh Hưng, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Đến tháng 4/2025, anh bị Công an bắt và bị Tòa án xử phạt 13 năm tù về tội Hiếp dâm, hiện đang chấp hành án tại Trai tạm giam số 02 Công an tỉnh Phú Thọ, chị M có thăm anh. Tuy nhiên từ sau khi anh phạm tội tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Nay phải đi chấp hành án thời gian dài, tình cảm vợ chồng không còn sâu sắc, chị M xin ly hôn anh hoàn toàn đồng ý, đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ giải quyết cho anh chị ly hôn để giải phóng cho nhau, chị M được ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ, đất canh tác và công sức: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ trình bày quan điểm.

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ thời điểm nhận đơn khởi kiện cho đến khi xét xử thẩm phán giải quyết vụ án đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, quá trình thu thập chứng cứ tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành thời hạn xét xử đúng quy định. Tại phiên tòa, việc khai mạc phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, thủ tục tranh tụng tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định. Nguyên

đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị về thủ tục tố tụng: Không có.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị M, xử cho chị M được ly hôn anh Lê Xuân T. Về tài sản, công nợ, đất canh tác và công sức: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị M phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Chị Bùi Thị M khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Xuân T, anh T có hộ khẩu thường trú tại xã Vĩnh Hưng, tỉnh Phú Thọ. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Nguyên đơn - chị Bùi Thị M, bị đơn - anh Lê Xuân T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị M, anh T theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân và gia đình giữa chị Bùi Thị M và anh Lê Xuân T thấy rằng:

Chị Bùi Thị M và anh Lê Xuân T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký tại UBND xã Vĩnh Hưng, tỉnh Phú Thọ ngày 30/12/2024 là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Chị M, anh T đều xác nhận sau khi anh T bị Công an bắt và bị Tòa án xử phạt 13 năm tù về tội Hiếp dâm, đi chấp hành án tại Trai tạm giam số 02 Công an tỉnh Phú Thọ cho đến nay tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, chị M và anh T đều đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh T đã đến mức căng thẳng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị M được ly hôn với anh T phù hợp.

[4]. Về con chung: Chị M và anh T thừa nhận vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Do các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Cho chị Bùi Thị M được ly hôn anh Lê Xuân T.

Về án phí: Chị Bùi Thị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003386 ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Chị M đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 10 – Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Vĩnh Hưng, tỉnh Phú Thọ (để biết);
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Giang